

NGỤC TÙ

Phạm Trọng Sách

Ngày 15 tháng 6, 1975 Tường đi trình diện “tù cải tạo” tại trường Tabert. Số sĩ quan trình diện rất đông vì là ngày chốt. Trên mấy tầng lầu đông nghẹt. Tường đi lên lầu và có ý định tìm một chỗ để lát nữa nằm ngủ. Chàng nghe tiếng một sĩ quan nói: “Cái con mặc quần áo MTGP đeo súng lục là đưa giúp việc nhà tôi, nó nằm vùng bây giờ mới lộ mặt”. Tường thở dài, miền Nam tự do và rộng lượng quá, nên bị VC lợi dụng. Bây giờ hối thì cũng đã muộn rồi. Mọi người đều hy vọng, nay hoà bình, chắc là học tập ít ngày xong rồi về

Tường nhớ lại hình ảnh ông bố vợ, tóc bạc phơ, đứng nhìn theo con rể không nói một lời. Đằng sau phía xa là Nguyệt, tay vẫy vẫy chàng. Ôi tội nghiệp em tôi. Cuộc đời sẽ xô đẩy em về đâu!?

Hình ảnh vợ chàng bên đứa con gái đang khóc và thằng con trai miệng méo xệch gọi “Bố” khi chàng bước lên xe xích lô máy . Tất cả những hình ảnh đó đi theo chàng với một nỗi buồn khôn nguôi...

Nửa đêm, tất cả tập hợp và lên xe buýt bùng, xe chạy vòng vòng trong đêm khuya, cuối cùng đổ xuống trại gia binh cũ ở Long Giao.

Trại chỉ còn có cái mái và những bức tường. Mọi vật dụng từ hòn gạch đến mái tôn đều đã bị gỡ sạch. Tù cải tạo, từng tốp trên mười người vào một căn nhà, tự tìm hòn gạch, miếng ván để tạo chỗ ngủ cho mình.

Nơi đây học 10 bài chính trị với đường lối khoan hồng của cách mạng, về nguy quân, nguy quyền và đế quốc Mỹ. Tù chưa phải đi lao động, thỉnh thoảng đi khiêng gạo, đi kiếm củi. Gạo ở trong mật khu để lâu đã mốc, vón thành cục, bây giờ cho tù cải tạo ăn. Khi vo gạo thấy cả sâu và rã ra thành bột

Học xong một bài lại “thâu hoạch”, đó là một cách tự lên án mình, bố mẹ mình, bạn bè mình. Đâu có ai ngây thơ mà làm theo ý của chúng. Trái lại, nhân dịp này, các sĩ quan tác chiến như Bộ binh, Nhảy dù, Thủy Quân Lục Chiến, đã kể lại những trận đánh lừng danh trong chiến sử, khiến bọn cán bộ tức giận mà không làm gì được.

Đến đêm, để khuây khoả nỗi buồn nhớ nhà, nhớ vợ con, các bạn tù, nằm trong

bóng tối, kể chuyện tâm tình, kể chuyện tiểu lâm. Ở “lán” (nhà tù) cuối, hàng đêm Dũng kể chuyện kiếm hiệp của Kim Dung, anh nhớ từng tên nhân vật, từng thế võ, với giọng nói người Hà nội chính cống, anh đã du hồn người nghe vào những trận đấu kiếm và những mối tình trong võ lâm mà vẫn đậm tính lãng mạn.

Mọi người trong “lán” chỉ mong đến tối để được nghe anh kể chuyện. Mấy tên vệ binh VC, tối đi tuần cũng đứng ngoài “lán”, ôm súng mà nghe say mê.

Anh Dũng là Trần Xuân Dũng, Y sĩ Thiếu Tá Thủy Quân Lục Chiến. Tường và Dũng là bạn học, cùng đỗ Tú Tài năm 1959. Dũng theo học Y khoa, tốt nghiệp và phục vụ binh chủng Thủy Quân Lục Chiến. Tường theo Khoa học, được nửa năm, vì hoàn cảnh gia đình, chàng phải bỏ học để đi dạy học. Nửa tuần dạy ở Saigon tại trường Quốc Anh trên đường Công Lý và Trung tâm Luyện thi của anh Bùi Khắc Tiếp ở Chi Lăng. Còn nửa tuần dạy tại trường Duy Tân của Cha Phạm Tuấn Tri ở mãi tỉnh Kiên Hoà.

Năm 1965, từ quân đội, Tường được biệt phái về Ủy ban Hành Pháp Trung Ương rồi về Bộ Thông Tin.

Một buổi sáng, chàng đứng trên lầu nhìn xuống thấy Dũng, chàng mừng rỡ chạy xuống gọi Dũng. Hai người cùng học CVA, từ ngày ra trường nay mới gặp lại nhau, mừng rỡ vô cùng. Dũng đến để làm thủ tục kiểm duyệt tập thơ của anh. Anh là bác sĩ và cũng là thi sĩ. Từ đây hai người có dịp gặp lại nhau. Trần Xuân Dũng có người anh ruột cũng là bác sĩ, chuyên khoa giải phẫu tiểu nhi là Trần Xuân Ninh. Anh coi Tường như em ruột. Tháng 4 năm 1975, anh gọi Tường đến cho thuốc và một trăm ngàn đồng. Vào thời điểm tháng 4, lúc bảy giờ, thuốc Tây và tiền là 2 thứ quý giá và cần thiết, vậy mà anh đã thương và cho Tường, đủ biết lòng anh thương em đến mức nào. Trong lòng Tường lúc nào cũng nhớ đến ân tình đó.

Ở Long Giao ít lâu thì chuyển về Suối Máu, nơi đây Dũng và Tường ở hai “lán” khác nhau nhưng cùng một trại nên hai anh em thường xuyên gặp nhau. Thời gian này không phải đi lao động.

Ngày 15 tháng 6, 1975 đến Long Giao, bây giờ đã sang tháng 2/1976, đã quá xa thời hạn 3 tháng, mà mọi người tù cải tạo cùng gia đình tin rằng sẽ được về. Hàng ngày có toán thì đi khiêng gạo, toán thì đi lấy rau ngoài trại, đều có vệ binh đi kèm, không cho giao tiếp với dân chúng. Các toán này đi về, cho anh em biết thấy các bà vợ, hoặc thân nhân của tù cải tạo đứng đằng xa để nghe ngóng tin tức của chồng hoặc của anh em.

Cuối tháng 1 đầu tháng 2 năm 1976 là Tết Nguyên Đán năm Bính Thìn. Theo

lệnh, trại thành lập ban Văn nghệ, các bài hát của miền Bắc được tập dượt. Đêm văn nghệ được tổ chức để đón xuân. Anh Hoàng Đình Ngoạn, sĩ quan khoá 17 Võ Bị Đà Lạt lên hát bài Bắc Sơn, một ca khúc nổi tiếng thời kỳ kháng Pháp. Từ cải tạo võ tay vang lừng và hô “Bis, Bis”. Hoàng Đình Ngoạn trở lại sân khấu hát bài Ai Lên Xứ Hoa Đào. Nửa chừng, cán bộ bắt ngưng. Ngày hôm sau, Ngoạn bị gọi trình diện. Anh về kể lại: “Cán bộ văn hoá nói: Mọi người hô Bis Bis, nghĩa là họ muốn anh hát lại bài hát đó một lần nữa, tại sao anh lại lợi dụng để hát nhạc vàng!”.

Lúc này chưa phải đi lao động, người thì đánh cờ tướng, người thì mài rũa làm lược, ổng điều nhôm, người thì học tiếng Tàu... Tường thì học tiếng Đức do Dũng dạy. Thầy trò làm việc rất nghiêm túc. Những bài học đều do Dũng viết tay, từ ngắn đến dần dần dài thêm. Là bác sĩ nhưng chữ Dũng viết rất đẹp, tròn trịa, rõ ràng mà lại bay bướm. Phải thuộc bài, mới học sang bài khác. Tường nhớ giọng nói của Dũng, nhất là nụ cười, không mở rộng môi mà cũng không mím chặt, khiến người đối diện cảm thấy thân thiện mà vẫn nghiêm trang. Văn phạm tiếng Đức là một trong những sinh ngữ khó nhất trên thế giới. Thời gian này hai người bạn càng thân thiết và thương mến nhau trong hoàn cảnh tù đầy. Tường học tiếng Đức đã có thể đọc những truyện trẻ con bằng tiếng Đức. Sau này, thầy một nơi, trò một ngả. Tường đem những bài học ra tận Hoàng Liên Sơn, ngoài Bắc, dạy cho bạn cùng tù. Một hôm bị vệ binh bắt gắp, tịch thu, tiếp theo là thời gian đói khổ khiến Tường dần dần quên hết. Chữ thầy trả lại thầy.

Thời gian này, nhất là những ngày gần Tết và sau Tết, mọi người đều nhớ nhà vô cùng. Phạm Kế Viêm, giáo sư, ở cùng lán với Tường, suốt ngày xem Tử Vi, theo Viêm, tử vi của các bạn mà Viêm coi đều có dấu chỉ đi về miền Bắc. Mọi người nghe vậy càng lo lắng và càng nhớ nhà hơn.

Mọi người phải thú nhận với nhau là nhớ vợ một phần thì nhớ con nhiều phần, nhất là những đứa con mới 4, 5 tuổi, nhớ những dáng điệu đi đứng, tiếng nói gọi bố, gọi mẹ, bi bô, sao mà dễ thương thế. Từ lúc khóc, lúc mếu, lúc cười với những cái răng sữa trắng nõn. Mọi người gần như thuộc lòng bài “Nhớ Con” của Trương Minh Dũng:

Dép ngược

Cho con Nhân Kiệt

*Bố ở trong tù bố nhớ con.
Đêm mơ ôm bé ngủ trong lòng
Ngoài kia con có đòi ăn bánh
Như những ngày xưa có bố không?*

*Tiếng sáo nào len qua kẽm gai?
Hình như trăn trở ở bên ngoài
Bố thềm một chút men ngày cũ
Có bé thơ bên chén rượu đầy.*

*Tội bố nhiều ghê ! Đáng tử hình
Người ta buộc thế, bố làm thinh
Ngày mai xuôi gió con cùng bố
Ra tận ngoài kia hỏi tội mình.*

*Tết ở trong tù bố nhớ con
Ngoài kia Xuân có chút gì không?
Có tia lửa lạ nào không bé?
Đốt hộ giùm chim những chiếc lồng.*

*Bố nhớ con nhiều lắm bé ơi
Con mang dép ngược bố la hoài
Bên này chân trái thành chân phải
Chân lý bây giờ cũng thế thôi.*

Trương Minh Dũng

Một biến cố đau thương đã diễn ra ở đây. Ba sĩ quan vượt ngục bị bắt lại. VC đào sẵn ba cái huyết, sau đó ra về dân chủ, tạo một toà án, có công tố buộc tội, mà không có luật sư bào chữa. Tất cả các án trưởng cũng là tù cải tạo đại diện án, đều phải tham dự toà án. Toà kết tội tử hình, sĩ quan bị án, hô to “Việt Nam Cộng Hoà Muôn Năm”. Đang hô nửa chừng bị vệ binh bịt miệng, đem bắn ngay và đẩy xác xuống ba hố đã đào sẵn. VC bắn ba sĩ quan để dần mặt các người tù cải tạo khác và sau đó ít lâu thì bị chuyển ra Bắc.

Đang đêm, Tường và các bạn cùng án bị đánh thức dậy, gọi tên ai thì người đó mang đồ đạc cá nhân ra sân tập hợp. Gọi đến tên Tường, chàng ra sân cùng các bạn tù. Sau đó xếp hàng lên xe buýt bùng, di chuyển ra New Port để lên tàu Sông Hương. Tường còn nhớ, có một bạn tù khi đi trên mảnh ván bắc nổi bờ với con tàu đã bị ngã xuống dòng sông, mọi người tù vội vàng cứu bạn thì bị VC cản lại và để người đó chết dưới lòng sông.

Tất cả tù đều bị dồn xuống hai hầm tàu, một ở phía mũi tàu và một ở phía đuôi.

Hàng trăm người bị nhốt dưới hầm tàu chỉ rộng bằng một cái sân bóng chuyền. Tường không thấy Dững. Tường âm thầm cầu mong Dững vì nghề nghiệp không có trong đám tù lưu đầy này. Từ lúc nhúc trong hầm này chỉ đủ chỗ cho mọi người ngồi bó gối. Hầm dơ bẩn, ngột hơi. Tường đau buồn chảy nước mắt nghĩ tới thân phận của kẻ chiến bại phải chịu đựng nhục nhằn, phải chấp nhận đón đau....

Tàu đi được một đêm một ngày thì đã ra đại dương, mấy sĩ quan hải quân mới đầu nghĩ là ra Côn Đảo. Đến ngày thứ hai thì chắc chắn là đi ra Bắc, đúng như anh Phạm Kế Viêm xem tử vi.

Đoàn tù bị say sóng, ngột hơi, và dơ bẩn, một người đã tắt thở, bỏ xác xuống biển. Mọi người tiêu tiêu vào chung một cái thùng. Mỗi lần gió biển, thuyền chao đảo thì phân và nước tiêu văng ra cả hầm. Từ cải tạo hứng chịu tất cả những hôi thối đó. Trong hoàn cảnh đó, vẫn phải ăn, để mà sống, dù biết rằng, miếng ăn là miếng nhục, và để ân hận đã không giữ được đất nước, nước mắt nhà tan....

Vào một buổi tối thì tàu cập bến cảng, không biết là Vinh hay Hải Phòng. Từ lê tấm thân bẩn thỉu lên bờ. Một toán bộ đội có chó săn đón tù. Lần lượt tù đi qua một dãy bàn có y tá mặc áo choàng trắng, mỗi tù nhân được chích một mũi thuốc để trừ các bệnh truyền nhiễm. Một toán tù tiếp tục di chuyển bằng xe lửa. Toán của Tường ở lại đêm tại bến Cảng, bị dồn vào một kho trống. Gần kho có một hố lớn do bom, đầy nước. Toán của Tường được phép tắm gội. Đoàn tù cởi quần áo, giặt giũ tắm rửa sau những ngày dưới hầm hôi thối. Sáng hôm sau, nhìn xuống hố nước thấy phân người nổi lều bều. Vậy mà tối hôm qua đã sung sướng được tắm gội trong hố nước này.

Mọi người lại xếp hàng lên tàu hỏa, vẫn lên toa của súc vật, vẫn chỉ có đủ chỗ ngồi bó gối. Trên sàn tàu vẫn rải rác phân trâu bò, mùi hôi thối cũng không thua gì hầm tàu thủy. Từ lên toa xong. Đóng cửa toa, chỉ chừa một hai cái cửa sổ nhỏ xíu bằng một bàn tay có lưới sắt đan. Hơi nóng và phân trâu bò bốc lên dày đặc trong toa. Mọi người luân phiên nhau để sát đầu vào cái lỗ cửa sổ hít không khí bên ngoài. Tường ngồi bó gối bên cạnh một sĩ quan còn rất trẻ, một bên đùi anh bị thương, băng còn đầy máu, anh cho biết, anh đang nằm ở bệnh viện Cộng Hoà thì bị bắt đưa vào trại cải tạo. Nhiều lúc anh đau đớn, cắn môi chịu đựng, không một tiếng than. Ai chịu trách nhiệm nỗi đau róm máu của người sĩ quan trẻ tuổi này!?

Tàu chạy một đêm một ngày thì dừng lại cho tù được ra ngoài toa thở không khí, lúc đó thì được tin một Trung tá đã chết vì ngột thở. Tàu dừng lại giữa đồng không mông quạnh. Tường và đa số tù ngồi bó gối quá lâu trong toa không sao đứng dậy mà đi được, nên cố bò trườn ra cửa toa và thả người rơi xuống đất ngay bên bờ ruộng. Gục

đầu xuống uống nước ruộng. Tường cảm thấy sao mà nước ruộng lại ngọt đến thế. Tường vốc nước lên người, lên đầu, rửa những chỗ dính phân, lúc đó Tường mới nhìn xung quanh, thấy dân ở đó là người thượng du, dân tộc thiểu số và Tường mới hiểu rõ câu hát của Phạm Duy: “Có người bừa thay trâu cày”. Tường nhìn thấy hai người đi trước kéo một cái bừa do người đi sau lái. Quang cảnh đìu hiu, buồn tẻ không có một sức sống.

Những người tù lại tiếp tục lên tàu, tiếp tục ngạt hơi, tiếp tục bó gối, tiếp tục nghe còi tàu buồn bã, tiếp tục nghe tàu nghiêng trên đường sắt và tiếp tục nghe những đoạn trường của người tù lưu xứ....

Đến buổi tối thì tàu dừng lại, tất cả người tù xuống đất, rời toa súc vật. Lúc đó Tường thấy tàu đỗ lại một nhà ga bên cạnh con sông. Tường nghe loáng thoáng bộ đội nói sông Lô và bến Đoan Hùng. Tù bắt đầu đi phà qua sông. Khi trời bắt đầu hửng sáng. Tù xếp hàng lên xe Molotova, một loại xe vận tải mui trần của Liên Xô. không ghé ngồi, tù lại ngồi chen chúc với nhau.

Chuyến xe lửa ngục tù đó được hai thi sĩ tả lại trong hai bài thơ dưới đây. Một của Nguyễn Vũ Văn và một của Tô Thùy Yên

Tàu đêm

*Tàu đi đêm ấy trăng tàn,
Trong toa súc vật ngổn ngang lũ người.
Tàu đi nghiêng sắt rụng rời,
Nghiến tan giấc ngủ, nghiêng toi linh hồn.
Lưng đau sần nhẩy đập dòn,
Vùi thân Do Thái, mặc con sóng đời.
Quê hương xa lạ bồi hồi,
Giơ tay xiềng xích đón người tù xa.
Tàu đi tiếng sắt khóc oà,
Núi rơi, biển vỡ, nhấp nhô đường rầy.
Rập rình ngọn súng lưng vai,
Bóng người hay quỷ diêm đài theo chân.
Ga nào rờn rợn mộ phần,
Đèn riu riu, gió âm âm nửa vời.
Tàu đi lê bánh mệt nhoài,
Ai xô một lũ quan tài xuống thang.*

*Hồi còi đồng vọng đau thương
Sao rơi buốt lạnh, bụi sương nặng nề.
Tàu đi hun hút li bì,
Hận thù dằng dặc chạy thi với tàu.
Tàu đi tuột khỏi địa cầu,
Đêm sâu há miệng cuốn tàu nuốt trôi.*

Nguyễn Vũ Văn - CVA 59

Tàu đêm

Tô Thùy Yên

*Tàu đi. Lúc đó, đêm vừa mới
Lúc đó, sao trời đã ngủ mê
Tàu rú. Sao ơi, hãy thức dậy
Long lanh muôn mắt tiễn tàu đi.*

*Thức dậy những ai còn sống đó
Nhìn ra nhớ lấy phút giây này
Tàu đi như một cơn giông lửa
Cuồn cuộn sao từ ống khói bay.*

*Cảnh vật mơ hồ trong bóng đêm
Dàn ra một ảo tưởng im lìm
Ừ ê những ngọn đèn thưa thớt
Sáng ít làm đêm tối tối thêm.*

*Bến cảng, nhà kho, những dạng cây
Chưa quen mà đã già từ ngay
Dấu sao cũng một lần tan hợp
Chớ tiếc nhau vài cái vẫy tay.*

*Tàu đêm lúc nhúc hồn oan khóc
Đèn bão mờ soi chẳng rõ ai
Ta gọi rưng rờ, ta thất lạc
Ta còn chẳng đủ nửa ta đây.*

Người bạn đường kia chắc chẳng ngủ
Thành tàu sao chẳng võ mà ca?
Mai này xô giạt về đâu nữa
Đất lạ ơi, đừng hắt hủi ta!

Đất lạ, người ta sống thế nào?
Trong lòng có sáng những trăng sao
Có buồn bã lúc mùa xuân trở
Có xót thương người qua biển dâu?

Tàu đi như một cơn điên đảo
Sắt thép kinh hoàng va đập nhau
Ta tưởng chừng nghe thời đại động
Xô đi âm ỉ một cơn đau.

Ngồi đây giữa những phân cùng bụi
Trong chuyển dời xung sát bạo tàn
Ta trở thành than, thành súc vật
Tiếng người e cũng đã quên ngang.

Ta nghe rêm nhói thân tàn rạc
Các thối xương lia đụng chối nhau
Nghe cả hồn ta bị cán nghiền
Trên đường lịch sử sắt tuôn mau.

Dường như ta chột khóc đón đau
Lệ nóng cường toan cháy ruột gan
Lệ chảy không ra ngoài khoé mắt
Nghẹn ngào đến cả tiếng than van.

Giá ta có được một hơi thuốc
Dẫu chỉ là hơi thuốc mốc thối
Để phủ cho hồn ấm tỉnh lại
Để nghe còn sự sống trên môi.

Ta nhớ dăm ba hình ảnh cũ
Lờ mờ như nhớ lại tiền thân
Đời ta khi trước vui vầy thế
Bỗng thảm thương nghìn nãi ngói tan.

Đem thân làm gã tù lưu xír
Xi xoá đời ta với đất trời
Ngàn dặm lìa tan tình cố cựu
Bàng hoàng thân thế cụm mây trôi.

Đã mấy năm nay quần quai đói
Thèm ăn như đứa trẻ con nghèo
Mẹ ơi, con nhớ thời thơ dại
Nhớ miếng ăn mà mẹ chắt chiu.

Liệu còn một bữa cơm đằm ắm
Bên ánh đèn đoàn tụ vợ con
Chia sẻ chút tình cay mặn cũ
Miệng không ngon cũng lấy làm ngon.

Tàu đi khoan xoáy sâu đêm thép
Tiếng nghiền ghê người, thác lửa sa
Lịch sử đường như rất vội vã
Tàu không đỗ lại những ga qua.

Ôi những nhà ga rất cổ xưa
Đường như ta đã thấy bao giờ
Đến nay người giữ ga còn đứng
Đèn bão đong đưa chút sáng mờ.

Tàu quanh những ruộng đồng châu thổ
Hiu hắt làng xa mấy chám đèn
Đêm ở nơi đây buồn lặng lặng
Cái buồn trải nặng mặt bằng đen.

Hỡi cô con gái trắng mười bốn
Đêm có nằm mơ những hội xuân

*Đời có chẳng lần cam dối mẹ
Nhớ thương nào giấu thắm vành khăn?*

*Có lúc tàu qua những chiếc cầu
Sầm sầm những nhịp động đều nhau
Dưới kia con nước còn thao thức
Bát ngát dềnh lên bãi sậy sâu.*

*Có lúc tàu qua những thị trấn
Mà đêm đã gói lại im lìm
Tàu qua, âu cũng là thông lệ
Nên chẳng ai buồn hé cửa xem.*

*Ôi những nổi sầu vô dạng ấy
Gọi ta về với những đêm vui...
Ở đâu đèn sáng như châu ngọc
Đường phố người chen chúc nói cười.*

*Ở đâu mộng ảo vườn sao tụ
Yến tiệc bày trong những khóm cây
Ta rót mừng em ly rượu đỏ
Mà thôi, chớ nhớ nữa, lòng ơi!*

*Mà thôi, hãy nuốt lệ còn nghẹn
Tĩnh thức, lòng ơi, nhìn tận tường
Thời đại đang đi từng mảng lớn
Rào rào những cụm khói miên man.*

*Người bạn đường kia chắc còn thức
Mong tàu đi đến chỗ đêm tan
Có nghe lịch sử mài thê thiết
Cho sáng lên đời đã rỉ han.*

*Tàu ơi, hãy kéo còi liên tục
Cho tiếng rền vang dậy địa cầu
Lay động những tầng mê sáng tối...
Loài người hãy thức, thức cùng nhau.*

Tô Thùy Yên (1980)

Tù tiếp tục di chuyển bằng xe vận tải mui trần, đó là sự cố ý để khi xe đi ngang những bản thương, thì đàn bà, trẻ con đứng hai bên đường thi nhau ném đá, hay bắt kẻ thứ gì lên đầu lên cổ, lên người các tù nhân. Tù chỉ biết cúi đầu, hai tay che chắn chịu đựng. Có người tù bị vỡ đầu, sứt trán, đổ máu mũi....

Sau này khi đi lao động, các tù nhân tiếp xúc với dân chúng, thông cảm nhau, mới biết là dân chúng đã được “học tập” phải ném đá tù nhân.

Đoàn xe vận tải đồ tù xuống rừng bên dãy Hoàng Liên Sơn. Tù lần lượt chặt cây, chặt trúc, đốn nửa dựng trại, làm nhà để tự nhốt mình. Bắt đầu bị lao động thật sự. Phải nói rằng bị cưỡng bách lao động quá sức người, trong âm mưu thâm độc giết người bằng thủ đoạn đói khát, cực khổ, để đánh lừa quốc tế ngò nghêch, để có tiếng nói rằng đã khoan hồng tha chết!

Một trại tù có nhiều nhà (lán), mỗi lán có khoảng chừng 50 người. Mỗi lán có nhiệm vụ khác nhau.

Có lán phải đi phá rừng, lấy đất trồng mì, trồng rau.

Có lán phải nuôi heo, nuôi gà.

Có lán phải chặt giang, chặt nứa... “chỉ tiêu “ là 15 cây dài 6 mét một ngày.

Có lán phải chặt cây làm cột nhà, có khi chặt cây lớn, một toán hai ba người mới khiêng nổi từ rừng về. Có toán thì phải cưa xẻ, tù có tay nghề thì đóng bàn ghế tủ cho cán bộ, có toán thì nấu ăn cho cả trại... Có thời gian tù phải đi chặt cây vầu, đường kính thân cây 5, 6 cm dài 6m. Vào rừng vầu trông rất đẹp. Cây nào cây nấy vừa bóng vừa thẳng tắp. Chỉ tiêu là một cây một ngày. Một người khiêng không nổi một cây. Chặt xong, cột dây kéo ra suối, thả cho trôi về trại, tù ôm vầu mà thả trôi về trại rồi mới kéo lên.

Tường có một kỷ niệm khi đi chặt cây. Đi lang thang dọc theo bờ suối, thời gian này đi lao động không có vệ binh đi kèm, nhắm chỗ nào có cây để chặt thì chọt nghe tiếng gọi “đằng ấy”, Tường nhìn thấy một người khoảng 40 tuổi, đang ngồi bên suối gàn cầu tre. Thấy Tường nhìn hấn, người này gọi “lại đây, lại đây”. Tường đến gần, người đó hỏi: “Cải tạo phải không, ngồi xuống đây, đừng sợ, tớ là bộ đội phục viên, tớ có vào Saigon nên hiểu các tù cải tạo”. Người đó đưa một chén cơm và một miếng cá khô cho Tường và nói “ăn đi đừng ngại, tớ hiểu các bạn. Tường ăn chén cơm và nói “cám ơn”. Hấn nói tiếp: “Tớ vào Saigon mà cảm thấy như đi ngoại quốc, giàu sang,

đẹp đẽ, thế mà không giữ lấy, thật uổng quá”. Tường nghe mà đứt ruột, không biết nói sao. Trước khi chia tay, người ấy nói: “Mai tớ còn ra đây, đằng ấy tới đây, tớ sẽ mang com nhiều hơn”. Vậy là liên tiếp hai ba ngày Tường được ăn no. Người bạn ấy kể chuyện vào Saigon mua được cái radio nhỏ, một cái đồng hồ và quần áo cho vợ con. Người đó ước ao đem vợ con vào sống ở Saigon và nói là trước 75 chắc Saigon còn phồn vinh hơn bây giờ.

Từ 1976 đến 1979, tù cải tạo ở trong rừng Bắc Việt, lập hết trại tù này đến trại tù khác, phá rừng, chặt cây làm nhà. Có một lần toán làm nhà của đội Tường phải đi làm nhà cho cán bộ. Tường đi chẻ lạt cho toán làm nhà. Đó là nghề của chàng nhờ khéo tay. Vì phụ trách chẻ lạt nên ngồi gần bếp lửa nấu nước cho đội. Chị vợ cán bộ ngồi gần tâm sự. Chị cho biết, bố mẹ chị là người Hà Nội trước 1954 có liên hệ làm việc với quốc gia nên bị phát vãng lên mạn ngược, chị phải kết hôn với anh cán bộ này để dễ dàng sinh sống cho gia đình, chị cũng nói là chồng cũng có cảm tình với tù cải tạo. Chị khuyên chồng đối đãi tử tế với tù vì họ đều là người học thức. Chị cũng nấu sắn khoai mời mọi người ăn. Chị vui vẻ với tù cải tạo và gọi bằng chú xung cháu. Chị mới lấy chồng, chưa có con, chỉ mong được vào Saigon một lần. Nghe Tường kể cuộc sống Saigon trước 1975, chị càng ham vào Saigon một chuyến. Người chồng chị cũng rất tử tế, nói chuyện lễ phép đảng hoàng. Chẳng qua cái bề ngoài khó khăn chỉ vì bảo vệ đời sống com áo trong một xã hội mà thống trị bằng bạo tử mà thôi.

Sang 1979, để tránh quân đội Trung cộng đánh chiếm mấy tỉnh miền Bắc, trại của Tường từ Lao Cai chuyển về Vĩnh Phú là do công an quản lý, thay quân đội. Tường và các bạn chuyển về Phong Quang. Tại trại này Tường ở trong đại đội nông nghiệp, một nửa đại đội làm nghề nông, gieo mạ, cấy mạ, làm cỏ ruộng lúa, gặt lúa. Một nửa còn lại đi cày và bừa. Tường ở trong toán cày bừa. Đại đội trưởng cũng là tù cải tạo Nguyễn Mạnh Tánh, một sĩ quan cấp úy của đơn vị 101, cũng là đơn vị tình báo. Trong tù mà làm đại đội trưởng là một vị trí rất khó khăn, trên là cán bộ thúc đẩy, dưới là các bạn tù luôn luôn sẵn sàng nghi ngờ, chê bai. Vậy mà Nguyễn Mạnh Tánh đã làm tròn phận sự. Cán bộ nể vì, anh em quý mến tư cách của anh. Còn nhớ có lần, cán bộ bắt tù trong toán cày phải cạo râu, không được để râu mép, Nguyễn Mạnh Tánh nêu lý do nếu cạo râu mép thì trâu không sợ và việc cày bừa không có kết quả. Ấy vậy mà cán bộ phải chịu. Phục tui Nguyễn Mạnh Tánh!

Tường đi cày không được khoẻ và khéo bằng các bạn khác đã cày được thời gian lâu hơn. Mỗi lần gặp khó khăn thì đội trưởng Tánh đến giúp.

Đi cày có một cái thú và lợi ích. Mỗi sáng đi cày, Tường lĩnh trâu, trâu cải tạo

cũng như người, lúc nào cũng đói. Tường biết vậy, trước khi cày, Tường cắt cỏ cho trâu ăn và nói: “Tao cắt cỏ cho mày ăn, chốc nữa nhớ cày cho ngoan, nghe con”. Có những bận cày đánh trâu, nó nằm lãn ra giữa ruộng, không cày nữa, làm gì được nó. Thế mới biết con vật không nói tiếng người nhưng nó hiểu người ta nói gì và nó cũng có tình cảm theo kiểu của nó. Điều thích thú và có lợi là ruộng cày luôn luôn có nhiều nhái, một loại họ ếch nhưng nhỏ hơn nhiều. Tường đi cày, luôn luôn có một cái roi, không phải để đánh trâu mà để đập nhái. Thật là tài tình, mỗi khi Tường đập trúng một con nhái thì con trâu tự động dừng lại để Tường cúi xuống nhặt con nhái bỏ vào túi bên hông, nếu Tường đập trượt thì trâu vẫn tiếp tục đi. Mỗi ngày đập được trên 10 con nhái là bữa ăn có chất đạm. Một chút muối và đun sôi con nhái là có một chén canh. Nướng nhái ăn cũng ngon và bổ.

Ở đội nông nghiệp đi cày, cấy lúa gặt lúa. Đôi khi được đi bỏ phân hoá học cho ruộng lúa. Thường là gánh một gánh phân đạm, bột màu trắng, đi rải ngoài ruộng, không có vệ binh đi kèm. Mỗi lần đi bỏ phân như vậy là dân chúng nhìn biết, sẽ tìm cách len lén đến xin phân, vì phân này quý lắm, dân đâu có tiền mua. Mỗi lần như vậy, Tường lại len cho dân bằng cách lấy đồ đựng của dân để sẵn đó, múc đầy rồi để vào chỗ khuất, sau đó dân sẽ ra lấy. Để tạ ơn, dân để lại khoai, sắn hay hột gà ở chỗ đó.

Mỗi lần cấy mạ là dân chúng quanh vùng trại Phong Quang vào xem tù cải tạo, họ đứng trên bờ ruộng, các ông, các bà, các cô chăm chú xem. Đội nông nghiệp nghiên cứu qua mấy mùa, cấy lúa chóng lớn, nhiều hạt cần ánh nắng mặt trời chiếu vào tận gốc cây mạ, do đó người tù giăng dây trên ruộng theo chiều đông tây, cấy mạ thẳng tắp. Trông ruộng lúa đẹp vô cùng, phương pháp cấy mạ cũng “cải tiến”. Tay trái cầm bó mạ, gốc mạ hướng về phía thân người, tay phải gỡ nhánh mạ cắm xuống ruộng như cắm nhang, vừa đều vừa đẹp. Cày và bừa thì dân nông nghiệp cũng phải khâm phục.

Trong các toán lao động, toán hái trà cũng cần phải khéo tay và phải có kỹ thuật. Mỗi khi hái, phải chọn một đọt gồm có một đọt non ở giữa và hai lá hai bên. Khi sao trà trong một cái chảo lớn trên bếp lửa. Phải sao đều tay cho tới khi đọt trà khô, đọt non ở giữa rụng ra, đó là loại trà quý nhất, gọi là trà móc câu vì nó giống như cái lưỡi câu, còn hai lá kia là trà bình thường.

Toán chặt gỗ, cưa xẻ và toán mộc là những toán cung của trại, thường được hưởng mức ăn cao hơn vì công việc nặng nhọc và nhất là hái ra tiền cho trại. Luôn luôn được bồi dưỡng khoai, đường.

Quả thật, những tù cải tạo làm trong nhóm này phải khoẻ và nhanh nhẹn. Toán chặt cây đi sâu vào rừng tìm gỗ quý, toán cưa xẻ phải xẻ ra thành từng miếng ván từ

những thân cây lớn, toán mộc đóng bàn ghế, giường, tủ chè và tủ đựng quần áo hết cho cán bộ trưởng trại đến cán bộ văn hoá, từ cán bộ an ninh đến cán bộ quản giáo, không khi nào hết việc. Đặt hàng không ngừng. Nhiều khi gỗ quý, đồ mộc đẹp còn được bán cho những người có tiền sống gần trại. Tường nhớ lại thời kỳ ở rừng Bắc Việt, Lào Cai, Yên Bái ngoài việc chặt gỗ, chặt tre, chặt giang và vầu, còn có công việc lấy măng. Có mùa toàn trại đi lấy măng, đó là tre và nứa non, xẻ ra đem phơi khô, rồi đem bán cho dân chúng.

Không ai ngờ rằng tù cải tạo làm việc gì cũng giỏi cũng xuất chúng.

Không nhắc đến hai toán Y sĩ và Văn nghệ là một điều thiếu sót. Toán Y sĩ gồm y sĩ và dược sĩ. Thuốc Tây từ miền Nam gửi ra như thuốc cảm, thuốc đau nhức, thuốc đau răng, thuốc ghẻ v.v... là thần dược so với thuốc nam xuyên tâm liên, loại thuốc lá cây.

Toán Y sĩ mục đích chính là chữa cho những người tù cải tạo, nhưng rồi chữa cho toàn thể cán bộ trại và gia đình. Những trường hợp khẩn cấp ban đêm, dân chúng đau nặng, tai nạn lao động đều nhờ đến tay của toán Y sĩ này. Bây giờ, dân chúng gặp tù cải tạo ở đâu là tươi cười chào hỏi. Toán Văn Nghệ ca hát trong trại, diễn kịch cho cả trại xem vào những ngày lễ hoặc Tết Nguyên đán hay quá, đến nỗi ngoài tỉnh cho người vào trại xin cho toán này ra ngoài tỉnh trình diễn. Toán Văn nghệ còn vẽ tranh, trình bày văn hoá cho trại. Ngoài ra có những cá nhân khéo tay làm những chiếc sáo, chiếc tiêu, đàn guitare, mandoline, violon. Có vị còn chế tạo cả cái đồng hồ treo tường. Những ca sĩ thiếu ứ trẻ tuổi hát hay đến nỗi các nữ cán bộ chưa chồng, yêu mê mết.

Ai cải tạo ai? Cái đẹp muôn đời đã cải tạo cái xấu!

Năm 1976, trên đường di chuyển từ Nam ra Bắc bằng xe lửa, bằng tàu thủy đều bị nhốt trong toa và hầm chở súc vật. Đi xe vận tải mui trần thì bị dân ném đá vào người tù cải tạo. Đó là do cán bộ bắt “học tập” như thế!

Đến năm 1983, tù cải tạo tỉnh Vĩnh Phú như các trại Phong Quang, Vĩnh Quang... chuyển về Nam. Dân chúng tự động đứng hai bên đường tiễn tù lên xe đi ra Hà Nội. Có người còn khóc để từ biệt tù cải tạo về Nam.

Trên chuyến xe lửa từ Hà Nội về Nam, cải tạo ngồi toa hành khách, có ghế ngồi, tuy vẫn còng tay trái người này với tay phải người kia, nhưng nếu tù cải tạo có mở còng để cho thoải mái, cán bộ nhìn thấy cũng ngó lơ.

Khi tàu đi qua sông Bến Hải để bước vào miền Nam, quê hương nhà, thì sự đón tiếp cảm động suốt đời không quên. Đến ga nào cũng vậy. Suốt từ Bến Hải vào Saigon,

từ các em bán hàng rong đến các chị bán bánh, bán khoai, bán kẹo... cứ thế là ném thức ăn lên toa cho tù cải tạo. Ôi! Cái tình sao mà cao quý, cảm động nhường nào. Cán bộ canh tù không khỏi ngạc nhiên trước tình cảm của người dân miền Nam đối với tù cải tạo.

Tường nhớ mãi hình ảnh một quân nhân cụt chân trái, chống nạng, mặc quân phục Biệt Động Quân, đội mũ nâu. Tay phải giữ nạng, tay trái chào đoàn tàu. Tường nghĩ thầm, mình có xứng đáng được chào như vậy không? Anh lính ơi tôi nợ anh một đời!

Tù cải tạo được đở xuống trại Hàm Tân. Lần này anh em được tắm trong một hồ nước lớn đầy ắp, sạch sẽ và ngủ một giấc ngủ ngon lành. Sáng ra Tường được gặp các bạn đã về đây trước chàng.

Trung tá Nhảy dù, cùng khoá 18 Võ Bị Đà Lạt mang cho chàng một cái cuốc nhẹ, rất sắc và nói:

- Ở đây đang giai đoạn làm cỏ, cuốc phải nhẹ và sắc để đỡ mất sức.

Ngày đầu còn được nghỉ, Tường đi thăm bạn hữu và được mời ăn cơm no.

Ngày tiếp, đội trình diện cán bộ quản giáo. Cán bộ người tầm thước, nói nhỏ nhẹ, không nói ngọng, chữ L thành N và ngược lại. Cán bộ cho biết công việc của đội là làm cỏ ruộng sản và kiếm củi... và những việc bất thường khác, đội được phép viết thư về gia đình và gia đình có thể lên thăm nuôi càng sớm càng tốt. Anh em trong đội vui mừng, một không khí có tình cảm nhen nhúm bắt đầu.

Một buổi chiều đi lao động về, Tường đi qua khu cầu tiêu đã xụp đổ, cây cối mọc um tùm phía sau lán. Cầu tiêu này đã lâu không còn sử dụng nữa. Chàng nghe có tiếng động trong đám cây và tiếng rên khe khẽ, chàng vạch lá nhìn thì thấy một chú chó nhỏ, lông vàng, nó ngược mắt nhìn với đôi mắt cầu khẩn, con chó không đi được, lê về phía chàng. Tường bế nó lên, nó chỉ lớn hơn bắp tay, nó run rẩy trong tay Tường, chàng nhìn thấy chân trước bên phải có vết thương chảy máu đã khô, thân mình nó dính đầy đất. Dem về lán, việc đầu tiên là chàng tắm rửa cho nó, lấy áo lót cũ lau khô và xem xét vết thương, lấy dầu xanh con Ó thấm vào vết thương và xé một mảnh áo quần băng lại vết thương. Chàng đun sôi một ít cơm nguội thành cháo cho nó ăn và từ phút đó chàng gọi nó là Cún. Chàng đoán rằng Cún ở nhà dân, lạc mẹ đi vào trại bị vệ binh đánh đuổi nên bị thương. Quả vậy, sau này, mỗi khi nghe tiếng vệ binh mặc áo vàng đi vào trại là Cún tìm nơi ẩn trốn. Nơi ẩn của Cún vẫn là cái cầu tiêu bỏ hoang,

nay Tường lót thêm một miếng carton nhỏ đủ Cún nằm, nhưng vẫn kín đáo lọt thỏm trong đám cây mọc hoang.

Tình trạng thức ăn nơi đây đỡ hơn nhiều so với miền Bắc, bạn bè về đây trước, có thăm nuôi nên dễ dàng chia sẻ cho nhau. Bố con Cún tuy chưa được thăm nuôi nhưng không bị đói như ngoài Bắc. Ruộng mì mà Tường phụ trách làm cỏ gần khu trồng đậu xanh của dân, sau khi thu hoạch thì bỏ hoang. Những lúc nghỉ tay, Tường sang mót đậu cốp nhặt được gần nửa lon guigoz đậu. Tường nẩy ra sáng kiến làm giá đậu xanh. Sắn bao cát, chằng kiềng một cái thùng nhựa ở đồng rác, rửa sạch và bắt đầu công việc làm giá. Chằng trải một phần bao cát trong thùng nhựa, rồi rải đậu xanh lên, gấp bao cát lại, rồi lại rải đậu xanh lên và tiếp tục, làm hết lớp này đến lớp khác ở trong thùng nhựa. Xong chằng đổ nước cho ướt lớp vải bao cát. Mỗi buổi tối, thăm chùng trước khi đi ngủ. Sáng thức dậy, trước khi đi lao động xem diễn tiến ra sao. Đến sáng chủ nhật thì giá mọc trắng nõn, mập mạp, dễ thương vô cùng. Tường lần lượt gỡ lớp bao cát, rẽ mỗi cọng giá mọc xuyên qua bao cát, chằng vặt rẽ một cách dễ dàng, còn lại là giá trắng đẹp. Tường bó thành từng bó bằng dây lá chuối. Chằng đặt tất cả các bó giá trên tàu lá chuối trước lán và hai thầy trò ngồi đợi. Các bạn tù đi qua, lấy một hai bó giá, bỏ lại trên tàu lá chuối khi thì củ khoai, củ sắn đã luộc. Có bạn rộng rãi hơn thì cho một gói mì hay nửa lon gạo. Cuộc trao đổi giống như ngày xưa chưa có đồng tiền gọi là hiện vật giao hoán. Có khi Tường bận công việc khác, Cún nằm trông hàng. Mỗi khi có người tù đến, Cún vẫy đuôi chào đón, ai cũng thương yêu Cún, cho Cún vài con tôm khô, cục đường móng trâu, cái kẹo lạc. Bố con Tường sống ngày chủ nhật như vậy, rất sung sướng và vui vẻ. Từ đây ai cũng biết giá sống của Tường mập và ngon nhất.

Sang tuần lễ thứ sáu kể từ khi vào Nam, Tường có tên được thăm nuôi. Tường nói với Cún: “Hôm nay mẹ lên thăm bố đừng chạy loang quạng thò đầu ra, vệ binh trông thấy nó đập ra là chết ngắc”. Tường bế Cún ra tận chỗ cầu tiêu ẩn núp rồi mới ra sân chờ đợi gọi đến tên mình. Chằng với vài ba người bạn cùng có tên được thăm nuôi đi nhanh ra nhà thăm nuôi. Khi bước vào, chằng nhìn thấy vợ và mẹ. Tường cảm động và ngạc nhiên vô cùng, chằng đột nhiên tự động quỳ xuống dập đầu lạy mẹ liên tiếp. Cảnh tượng này khiến thân nhân của các tù nhân, chảy nước mắt và sụt sùi khóc. Cán bộ nhà thăm nuôi cũng ngạc nhiên trước cảnh lạy mẹ cảm động này. Vợ chằng chạy lại đỡ chồng lên ngồi vào ghế đối diện với mẹ. Mẹ chằng lấy khăn thấm nước mắt hỏi chằng: “Con có khoẻ không?” Tường nói: “Con khoẻ, mẹ đừng lo. Mà sao mẹ già yếu mà đi đường xa thăm con. Con thật là bất hiếu, khiến mẹ già phải lụy vì con. Con chưa một ngày báo hiếu được mẹ”

Vợ chàng khẽ nói: “Em ngăn mẹ, em nói, để em lên thăm rồi chuyển lời mẹ nhắn anh, nhưng mẹ không chịu”

Mẹ lại nói: “Chị ấy cản tôi, sợ đường xa tôi không chịu được vất vả, nhưng mẹ nhất quyết đi. Mẹ già rồi biết đâu là không còn được gặp con nữa.”

Thời gian thăm nuôi qua nhanh, vợ chàng thấy quà thăm nuôi của mình quá ít so với người khác nên có vẻ buồn. Tường vội an ủi: “Em lo nuôi nấng 3 con là quá sức của em rồi. Ở đây anh không có đói như khi ở ngoài Bắc. Quà của em như vậy là quá tốt cho anh rồi. Cảm ơn em vô cùng”

Hai vợ chồng nắm tay nhau. Tường bỗng thấy đau đớn tận đáy lòng khi nhận ra tay vợ chàng khô ráp như thành chai cả mấy ngón tay. Ôi! Tiểu thư ngày nào không còn nữa, chỉ là vang bóng một thời!

Vào công trại, cán bộ kiểm tra quà của Tường rất nhanh vì chẳng có là bao. Khi vào đến lán một lúc, đang xếp đặt lại quà vì khi kiểm tra bị vắt lung tung, thì chàng thấy Cún ve vẩy đuôi bên chàng.

Tuy có thăm nuôi, nhưng Tường vẫn tiếp tục làm giá.

Chủ nhật kế tiếp, Tường phải xin lỗi khách hàng mua giá vì Tường lấy tất cả chỗ giá đã làm được để xào, rồi chiên trứng vịt và nấu một nồi cơm bằng gạo thăm nuôi, chàng cho bột nghệ vào, nên khi cơm chín, hạt cơm vàng óng trông rất đẹp mắt và thơm ngon, để mời vài người bạn thân tình đã giúp đỡ những tuần đầu khi chàng mới vào Nam. Thật cảm động khi các bạn đến ăn cơm với Tường, người nào cũng mang theo thực phẩm khô để dành được, vì họ hiểu rõ hoàn cảnh Tường vẫn còn gặp khó khăn khi nhìn qua những quà vừa được thăm nuôi. Trong bữa ăn, ai cũng thương con Cún, mọi người xoa đầu nó, bế nó vào lòng, nói chuyện với nó. Cún quẩn quýt, vẫy đuôi mừng mọi người. Các bạn của Tường đều cùng một ý nghĩ lo ngại khi nhìn thấy Cún, một ngày nào đó sẽ lớn bổng lên, một miếng ngon mà vệ binh nhìn thấy sẽ không tha. Chỉ một nhát gậy đập vào đầu là Cún không còn nữa. Tường nghe mà lo lắng cho Cún. Những ngày Tường đi lao động bên ngoài. Cún nằm trong chỗ ẩn núp ở cầu tiêu bỏ trống. Chiều về Tường ra gọi Cún vào, hai bố con chia nhau cơm chiều. Chiều chiều Cún ở bên Tường, nó quẩn quýt mừng rỡ thấy mà thương. Chỗ của Tường nằm là ở một góc phòng sát đất, một bên là bức vách, một bên là cái tạo viên cự quận trưởng. Tường cho Cún nằm giữa Tường và bức vách. Không làm phiền người kế bên. Cún rất ngoan, nằm im lặng, Tường tắm cho Cún nên Cún rất sạch sẽ, lông vàng óng rất dễ thương.

Từ ngày nuôi Cún đến nay đã được 9 tuần, vết thương ở chân Cún đã khỏi từ lâu, đúng như các cụ đã dạy “chó liền da, gà liền xương”. Cún đã cao gần bằng chiếc đũa. Lực lưỡng như một bắp chuối. Nhìn Cún, Tường không khỏi lo âu. Cứu Cún bằng cách nào đây?

Một hôm Tường đang cuốc cỏ, chợt thấy có vật gì đụng vào gót chân, chàng quay lại ngạc nhiên thấy Cún. Chàng vội ôm Cún chạy vào bụi cây sau ruộng. Chàng hỏi Cún: “Con liều lĩnh quá, làm sao mà ra đây được?”

Cún nghe có vẻ hiểu được, vẫy đuôi và ngả đầu vào lòng Tường. Tường xoa đầu con và lo âu tràn ngập lòng chàng.

Từ hôm ấy, Cún chui hàng rào phía sau ruộng, đi nấp dưới bụi cây ra chỗ Tường làm. Có hôm không biết Cún tha ở đâu về khi thì củ khoai khi thì củ sắn. Hai bố con vẫn thường xuyên làm giá để trao đổi hàng hoá. Cún mỗi ngày mỗi lớn. Tường nghĩ không còn cách nào khác là mạo hiểm gửi Cún về, khi gia đình lên thăm chàng. Khi được thăm nuôi lúc ra gặp người thân chỉ được đi người không, không có quyền đem Cún theo, vậy phải làm sao? Nghĩ vậy, Tường nhờ thân nhân bạn được thăm nuôi nhắn với vợ là kỳ tới cho thằng Út lên gặp bố, vì từ ngày sinh Út 15 tháng 4, 1975 đến nay 1983, Út đã 8 tuổi mà chưa được gặp bố. Sau ngày vợ lên thăm, hằng ngày, mỗi chiều hai bố con ăn cơm với nhau, Tường đều nhắc đi nhắc lại với Cún: “Kỳ này mẹ lên thăm bố, bố gửi con về với các anh chị. Khi bố ra nhà thăm nuôi con không được đi chung với bố. Con vượt hàng rào, dưới bụi cây, ra nhà thăm nuôi, luồn xuống gầm bàn bố ngồi, báo cho bố biết, bố bảo anh Út cúi xuống bế con lên. Con phải khéo léo, cẩn thận tránh vệ binh. Nó trông thấy con là con chết ngay.”

Ngày nào Tường cũng lập đi lập lại lời dặn cho Cún thuộc lòng. Cún lắng tai nghe tỏ ra hiểu ý của bố Tường. Thế rồi ngày thăm nuôi cũng tới. Tường hồi hộp vô cùng. Chàng vừa đi ra nhà thăm nuôi vừa cầu nguyện đáng linh thiêng cho việc chót lọt.

Chàng ngồi đối diện hai mẹ con, chàng nói ngay vào việc và khi chàng ra hiệu thì Út cúi xuống gầm bàn bế Cún lên. Tường ngồi đó, chờ đợi như lửa đốt trong lòng. Đột nhiên chàng cảm thấy như có vật gì cọ vào chân chàng, chàng hô: “Út, con bế em lên”. Út cúi xuống, bế thốc Cún lên.

Tường thở phào, nhẹ cả người. Cún nằm gọn trong lòng anh, vẫy đuôi mừng rỡ. Tường còn mừng rỡ hơn vì công việc rất mạo hiểm mà nhờ trời đã thành công. Tường căn dặn: “Hai mẹ con nói với chủ xe Lam xin trả tiền thêm cho Cún ngồi dưới sàn giữa

hai chân của Út. Nhớ đem em về an toàn”. Lần thăm nuôi này, Tường vui mừng hơn hở như chính mình vừa được ra khỏi nhà tù. Các bạn nghe tin đều đến mừng cho Tường.

Những ngày tháng trong tù vẫn tiếp tục trôi đi, Tường đi lao động và vẫn mót đậu xanh làm giá. Một buổi sáng chàng thấy mệt, xin nghỉ lao động. Một mình nằm trong lán, tưởng tượng vợ con chàng sum họp và Cún ở bên cạnh.

Từ ngày cháu gái vợ vượt biên qua Pháp thì đời sống vật chất khá hơn nhờ quà cháu gửi về cho. Ông anh ruột của vợ chàng là Đại tá không quân đi tản cùng vợ con. Tuy lớn tuổi nhưng nhờ quen biết trong những năm du học nên cũng kiếm được việc làm, thỉnh thoảng cũng trợ cấp cho các em.

Đang nằm suy nghĩ thì Tường nghe tiếng mở khoá và tiếp theo là tiếng của cán bộ quản giáo:

“Hôm nay thầy đau sao?” Chàng nghe giọng quản giáo, nhưng chàng nghĩ là quản giáo nói với ai khác. Chàng ngồi dậy thì quản giáo cũng đến bên chàng.

“Em đã đọc lý lịch của thầy, biết thầy có những năm đi dạy học. Nay em muốn thi đậu lớp 9 để có một mảnh bằng mà tiến thân. Xin thầy giúp đỡ em. Khi không có ai thì xưng hô như vậy, nếu có ai thì em lại phải xưng hô như cũ, thầy thông cảm”.

Tường nói: “Xin cán bộ cứ xưng hô như bình thường. Yêu cầu của cán bộ về vấn đề văn hoá, hay nói rõ hơn là dạy toán Hình học và Đại số lớp 9 cho cán bộ. Cán bộ đã có ý nhờ giúp thì tôi cũng khó từ chối, nhưng tôi suy nghĩ thì có vài ý kiến bàn với cán bộ trước khi ta cộng tác dạy học”.

“Xin thầy cứ nói”

“Chúng tôi là cải tạo viên, sống chung với nhau 24 tiếng đồng hồ một ngày, mọi sinh hoạt đang êm đẹp. Nay tôi hướng dẫn bài học cho cán bộ, rồi một bữa vì lý do nào đó cán bộ tập họp đội chấn chỉnh cá nhân nào đó. Mọi người trong đội sẽ chắc chắn nghĩ rằng tôi đã báo cáo cho cán bộ. Như vậy tôi không thể sống trong không khí ghét bỏ của bạn tôi”.

“Xin thầy nghĩ là tôi rất hiểu điều đó”

“Vậy xin cán bộ những điều sau đây:

- Thứ nhất: cán bộ tránh hết sức tập họp chấn chỉnh trong thời gian học, và nếu tiếp tục sau thời gian học thì càng tốt.

- Thứ hai: Vì thời gian hướng dẫn cán bộ học ngay ngoài bãi, nơi lao động, cán bộ giao chỉ tiêu cho các bạn tôi bao nhiêu thì tôi cũng bấy nhiêu, không có bớt cho tôi.

Hai điều này là chính, nếu còn điều gì nữa thì tôi sẽ nói sau”.

Tối hôm đó, Tường trình bày buổi nói chuyện này với anh em trong lán. Các anh em cho biết một cán bộ hiếu học là một người tốt và điều kiện Tường đưa ra có lợi cho anh em, đề nghị Tường nhận lời dạy học cho cán bộ, nếu có điều gì không tốt sẽ ngưng dạy cũng chưa muộn.

Thế là Tường khi ra bãi lao động, tìm một nơi mát mẻ, kê cái bàn nhỏ, Tường chỉ bảo cho quản giáo Hình học và Đại số. Sách giao khoa do cán bộ cung cấp. Tường thấy cán bộ này cũng rất sáng dạ, có phần học nhanh chàng cũng mừng. Học được ít tháng, tình hình sinh hoạt vẫn êm đềm. Chỉ tiêu giao cho Tường cũng như các anh em, lẽ dĩ nhiên ngày lao động mất 2, 3 tiếng dạy học. Tường làm sao hoàn tất chỉ tiêu, thế là cán bộ lấy cuộc ra phụ. Anh em trong đội khen Tường có mưu cao..

Hết chương trình học, cán bộ xin phép về Bắc để đi thi. Sau khi thi một tuần, cán bộ trở vào Nam và tiếp tục làm quản giáo. Quản giáo tươi cười cho Tường biết đã thi đậu lớp 9 và cảm ơn Tường cùng cho biết đã để nửa cân đường ở dưới gối nơi Tường ngủ.

Từ đó sinh hoạt trong đội rất êm đềm, trại có chỉ thị gì thì quản giáo tập hợp nhắc nhở, tuyệt đối không có khó khăn chần chừ. Các người tù cũng giữ ý không vi phạm điều gì vì thấy quản giáo coi trọng anh em.

Ở khắp các trại, anh em tù đã tỏ ra một lực lượng tài năng ưu tú về mọi mặt, từ nông nghiệp đến lâm nghiệp, từ y học đến văn nghệ... lãnh vực nào cũng tỏ ra vượt trội với những dụng cụ thô sơ. Về tinh thần, người tù bộc lộ sự đoàn kết, sức mạnh đấu tranh trước cường quyền nhất là những sĩ quan trẻ, sẵn sàng hiến thân, chấp nhận các hình phạt dã man để nói lên khao khát sự công bằng tự do dân chủ. Các anh tù biệt kích từ 1964 tính đến lúc tù cải tạo bị đưa từ Nam ra Bắc năm 1976 là các anh đã bị tù trên 10 năm. Các anh vẫn còn giữ được sự đoàn kết, khí phách của một chiến binh uy dũng, các anh có một cấp chỉ huy lấy lòng mà trại nào cũng phải coi trọng. Một tiếng nói của anh là tất cả biệt kích đều tuân hành triệt để. Đó là nhân vật Nguyễn Hữu Luyện, một người tù biệt kích mà nhà báo Phan Lạc Phúc đã gọi là Người tù “Kiệt Xuất.”

Thử tưởng tượng, nếu sau tháng 4/75, người thắng cuộc đem lòng nhân ái, tình nghĩa huynh đệ cùng một ông tổ Hùng Vương, không thù hận, không lừa dối, không âm mưu lừa đảo đối với miền Nam, học theo sự thương yêu của Nội chiến Hoa Kỳ, không có chia cắt, trả thù... thì dân chúng miền Nam nhất là quân đội miền Nam có những tài năng xuất chúng cùng kiến thiết đất nước thì Việt Nam đã là một con Rồng

của Đông Nam Á. Tiếc thay những kẻ đầu não trong bộ Chính trị Cộng sản chỉ nhìn thấy tư lợi với lòng hận thù, đem hết trò lừa đảo ra thi hành để hủy diệt miền Nam. Bóc lột tận cùng, khiến đất nước nghèo nàn, lạc hậu so với các nước khác trong vùng Đông Nam Á

Từ khi trại Phong Quang chuyển vào Nam đến nay đã hơn một năm, giờ là cuối 1984, đã có hai, ba đợt thả tù rồi, Tường cũng thấy nóng lòng, kỳ thăm nuôi vừa rồi cách đây 6 tuần, vợ chàng cho biết tình hình gia đình cũng ổn, do được sự giúp đỡ từ thân nhân ở ngoại quốc, các con cũng có miếng thịt trong bữa ăn, tuy không liên tục nhưng cũng tốt trong giai đoạn này. Thành con trai lớn đã 12 tuổi, kỳ vừa rồi được lên thăm bố cùng với chị gái 14 tuổi. Trông thấy các con tuy không béo tốt nhưng hồng hào, đẹp đẽ, vợ chàng cũng khá hơn, lòng Tường cũng vui. Thành hai cho biết Cún đã lớn đứng gần đến đầu gối, lông vàng óng, trong rất đẹp. Một lần hỏi “Bố đâu”, nó chạy ra cổng sắt, nhìn ra ngõ như ngóng chờ bố. Mọi người trong nhà thương Cún như là một thành viên trong gia đình. Nó quán quýt mọi người. Nói gì nó cũng hiểu, nó có lỗi gì nghe Út la, nó đứng yên, đầu cúi xuống, đuôi vẫy vẫy như tạ lỗi rất dễ thương.

Ngày 23 tháng 11, Tường nhớ ngày này năm 1963, khoá 18 VBDL ra trường, cứ mỗi năm đến ngày này là các anh em cùng khoá ở khắp mọi nơi, mọi đơn vị đều tìm cách về tụ họp, gặp gỡ nhau, ôn lại kỷ niệm, điểm danh xem ai còn ai mất.

Năm 1984, cũng ngày này, Tường và một số các anh em cùng khoá đang ở trong tù. Tường đang xếp hàng để xuất trại đi lao động thì nghe tên gọi có thân nhân thăm nuôi. Tường ngạc nhiên vô cùng, vợ chàng mới thăm cách đây hai tuần. Chàng lo lắng có chuyện gì mà lên sớm như vậy, chưa đến kỳ hẹn hai tháng. Chàng thần thờ bần khoản, không sao đoán được việc gì đã xảy ra. Nhưng đến khi ra nhà thăm nuôi, Tường nhìn thấy mẹ Nguyệt, chàng chợt hiểu và vui mừng. Khi đã ngồi xuống, bà cụ bắt đầu nói rõ mọi diễn tiến cuộc thăm viếng này.

Được Nam, người con trai, bảo lãnh, gia đình được đi định cư tại Canada. Đồng thời Saigon nghe tin tù cải tạo ở ngoài Bắc sẽ chuyển vào Nam. Gia đình đã xong mọi thủ tục, chuyến bay đã sẵn sàng thì Nguyệt nhất định đòi ở lại để lên thăm Tường rồi đi sau. Bố mẹ Nguyệt khuyên sao Nguyệt vẫn không nghe. Cuối cùng, mẹ Nguyệt quyết định đi sau để lên thăm Tường thay Nguyệt. Ngày đi gần kề mà tin tức từ gia đình Tường cho biết trại của Tường còn ở ngoài Bắc chưa chuyển vào Nam. Bà cụ tiễn gia đình ra phi trường, hứa với Nguyệt là sẽ thăm nuôi Tường rồi đi sau, bà cụ nghĩ thầm là Nguyệt phải ra đi, còn bà ở lại có trở ngại gì thì người già dễ giải quyết. Tường nghe nói vậy, chàng vô cùng xúc động, không thể ngờ tình cảm của Nguyệt và gia đình

nàng lại đối với chàng như vậy. Bà cụ cho biết sau khi lên thăm Tường rồi hai ngày nữa sẽ lên đường, vé máy bay đã sẵn sàng. Tường nghe vậy cũng yên lòng chứ nếu có trắc trở gì chàng biết làm sao. Sẽ ân hận suốt đời.

Bà má Nguyệt cho biết sau biến cố 1975, Saigon rất đói khổ, gia đình bà không đủ cơm ăn, phải ăn sắn, khoai, bo bo thay cơm như mọi gia đình khác. Giữa lúc khó khăn đó, một người Tàu, gốc Đài Loan muốn lấy Nguyệt hứa sẽ bao bọc gia đình. Nguyệt bằng lòng để cho gia đình sống thoải mái, bố mẹ nàng trong hoàn cảnh già yếu, bệnh tật có chỗ dung thân. Khi Nguyệt có một đứa con trai 4 tuổi thì người chồng về Đài Loan, nàng không đi theo, ở lại săn sóc bố mẹ và nuôi con. Trước khi về Đài Loan, người chồng để lại một căn nhà khá lớn và một số vốn. Đến khi gia đình được bảo lãnh đi Canada, Nguyệt bán căn nhà đó cũng được một số tiền lớn mang đi. Bà cụ kể hết mọi chuyện cho Tường biết. Chàng nghe và cảm thấy yên tâm cho Nguyệt.

Hết giờ thăm, Tường đón nhận quà, ngỏ lời cảm ơn bà cụ và gửi lời thăm hỏi ông cụ, Nguyệt và vợ chồng Nam. Chàng chúc bà cụ có chuyến bay tốt đẹp. Trên đường về trại, lòng chàng vui buồn lẫn lộn, và chàng lại thốt lên câu nói quen thuộc mỗi khi ở bên Nguyệt “Tội Nghiệp Em Tôi!”.

Vào khoảng tháng 4/1985, quản giáo kín đáo cho Tường biết chàng có tên trong danh sách được thả về. Chàng chia quần áo, dụng cụ và thực phẩm cho các bạn mỗi người một ít.

Đến ngày 1 tháng 6 năm 1985, trại đọc danh sách thả tù có tên chàng. Tất cả những người tù được thả, đã đưa về một khu riêng biệt để làm giấy tờ.

Tường trình diện ngày 15 tháng 6, 1975 ra khỏi tù ngày 1 tháng 6 năm 1985 còn thiếu 15 ngày nữa là tròn 10 năm, một thời gian dài của một đời người.

Khi lãnh giấy ra trại tù tay một nữ cán bộ, lại là vợ của cán bộ quản giáo, Cô ta nói: “Thầy đi bình an”

Thấy cô ta viết cây bút mãi không ra mực, Tường lấy cây bút của chàng đưa cho cô ta và nói: “Chị cầm lấy cây bút này mà dùng. Nói với anh là tôi muốn gặp anh, trên đường ra bến xe tôi sẽ ghé nhà anh. Chị vội đi tìm chồng cho biết lời nhắn”.

Tường đi lãnh những đồ đạc mà chàng phải gửi lại khi vào trại: đồng hồ đeo tay, quần áo dân sự, tất cả đựng trong một cái cặp da.

Chàng lãnh một bộ quần áo đồng phục của tù khi được thả. Tường ra đến cổng

trai, quay lại nhìn vĩnh biệt trại tù, thông thả bước trên đường ra bến xe Lam về Saigon. Các bạn chàng đã lanh lẹ đi trước rồi. Nửa đường chàng rẽ vào nhà cán bộ quản giáo, một mái nhà tranh mới dựng bên đường. Chàng nhìn thấy cán bộ đã đứng sẵn ở cửa. Chàng vào rồi ngồi xuống cái ghế bằng tre và bên cạnh cũng là cái bàn bằng tre, chàng nói: “Tôi ghé để cảm ơn cán bộ và tặng cán bộ một cái áo và một cái quần dân sự.” Nói xong chàng lấy quần áo ở trong cặp ra đưa cho người cán bộ. Anh ta đưa cả hai tay đón lấy. Tường dơ tay lấy ly đầy nước chè nóng uống một hơi, rồi đưa cho quản giáo tờ giấy đã viết sẵn địa chỉ nhà chàng ở Saigon và nói: “Nếu có dịp đi Saigon, ghé nhà tôi, anh em mình bao giờ cũng thân quý nhau.” Cán bộ cầm tờ giấy ghi địa chỉ và nói: “Cảm ơn thầy đã có lòng thương mến em, cho em địa chỉ. Nhưng thú thực em không dám đến thăm thầy vì chúng nó biết thì sẽ chẳng được yên thân. Trong chế độ này phải cẩn thận từ cử chỉ, lời ăn tiếng nói, không thì..”. Cán bộ nói đến đây thì ngưng lại vì biết rằng Tường đã rõ chế độ này từ lâu rồi. Chàng dơ tay bắt tay người cán bộ rồi bước ra ngoài đường đi về phía bến xe.

Đến bến xe Lam thì các bạn chàng đã đi trước hết rồi. Chàng ghé vào quán hủ tiếu gọi một tô hủ tiếu và một ly cà phê. Ăn uống xong, chàng gửi tiền, người chủ quán nhất định không chịu lấy. Chàng bán bộ quần áo trại mới cho được 25 đồng. Trung tá Tiên, không được thả kỳ này đã cho chàng 25 đồng khi chàng đến từ già ông.

Chuyến xe Lam cuối cùng đang nổ máy chờ khách. Tường lên xe, ngồi xuống băng ghế, mỗi người một câu hỏi thăm chàng. Một người phụ nữ trạc 50 tuổi hỏi: “Ông có bao nhiêu tiền đưa tôi, tiền xe để tôi trả.” Lúc đó người tài xế quay đầu lại nói vào trong xe: “Tôi không lấy tiền của ông ấy”

Tường trả lời câu hỏi của người phụ nữ: “Tôi có 50 đồng”. Bà ta nói: “Đưa tất cả cho tôi, rồi bà ta bước xuống xe, mua chục cam, mấy trái măng cầu, mấy trái sa bô chê. Một miếng mít. Tất cả để trong một túi nylon, rồi bà ta trở lại nói: “Đi xa lâu ngày về phải có quà. Rồi bà lại hỏi nhà ở đâu?” Tường trả lời:

- Nhà mẹ tôi ở Phan Thanh Giản, trong ngõ trước cửa Bệnh viện Bình Dân. Nhà vợ tôi ở Trương Minh Giảng trong ngõ đối diện cây săng.

Người phụ nữ nghe vậy hỏi tiếp: “Ông về nhà ai trước?” Tường nói không cần suy nghĩ: “Tôi đến nhà mẹ tôi trước”. Nghe vậy người phụ nữ và mọi người trên xe đều khen ngợi là người con có hiếu.

Đến bến xe Saigon, người phụ nữ nói: “Ông đi theo tôi”. Rồi bà ta gọi một xích lô máy, Tường phụ giúp để hàng hóa lên cang xe rồi cùng bà lên ngồi trên xe. Bà nói

với người xích lô: “Cho tôi tới đường Phan Thanh Giản, khúc trước cửa Bệnh viện Bình Dân.” Tới nơi bà ta cười: “Mừng ông đã được tự do. Giữ gìn sức khoẻ”. Tường chưa kịp cảm ơn và hỏi địa chỉ cùng tên người phụ nữ thì xe đã phóng đi. Con người Saigon, tình cảm chân chất, đơn sơ thành thật như vậy đó.

Tường xách túi trái cây, nách kẹp cái cặp bước vào ngõ, mọi người thấy Tường chào mừng. Chàng vào đến nhà mẹ thì bất ngờ vô cùng thấy vợ chàng chở thằng Út lên thăm bà nội. Một sự trùng hợp hi hữu, như có sự xếp đặt của đấng linh thiêng. Mẹ, vợ và bà chị vui mừng, thằng Út ôm lấy bố. Những hạnh phúc ấy, Tường nhớ mãi trong đời. Hàng xóm chạy sang, mừng mừng, tủi tủi với những giọt lệ trong giây phút trùng phùng này.

Ngồi thăm mẹ cho đến tối, bà chị chia phần trái cây đem về cho các con. Trên đường về, thằng Út được ngồi với bố trên xe xích lô, vợ chàng đi xe đạp bên cạnh xe xích lô.

Về đến nhà, vừa mở cửa bước vào là Cún bay ra ôm chặt lấy đùi bố, nó cuống quýt vui mừng, hai chân trước như muốn ôm lấy Tường như sợ Bố vượt mất. Mọi người, thằng Hai, con gái, bà chị vợ đều mừng rỡ. Bà chị vợ là người rất tình cảm, trước cảnh xúc động này bà cũng rớt nước mắt.

Vợ chàng nói : “Đề em đặt nồi nước nóng anh tắm. Tắm nước lạnh người còn yếu dễ bị cảm”. Tường nhìn lên bàn thờ, thấy hình bố vợ, chàng đến thắp ba nén hương lễ bàn thờ. Chàng nhớ được tin bố qua đời khi chàng còn ở trại Phong Quang miền Bắc. Một ông bố mà chàng thường chở trên Vespa mỗi khi ông đi thầu xây cất từ miền Trung trở về Saigon. Nhìn hình ảnh tóc bạc phơ nhớ lại cảnh bố đứng nhìn con đi vào trường Tabert trình diện tù cải tạo. Bố đứng im lặng, mắt đỏ hoe. Hình ảnh bố trong ngày 15 tháng 6 năm 1975 như đọng lại trên bàn thờ. Biết bao đổi thay trong suốt 10 năm đất nước điêu linh.

Chàng vào phòng tắm, dội nước cho trôi hết những vết tích, bụi bặm của nhà tù. Khi chàng bước ra, chàng thấy Cún đứng ngay cửa phòng tắm. Út cho bố biết là suốt thời gian bố tắm, Cún đứng canh cửa. Chàng cảm động ôm đầu Cún vào lòng.

Bữa cơm chiều hôm ấy, mừng 1 tháng 6 năm 1985 là bữa cơm gia đình sum họp sau 10 năm xa cách.

Những tháng ngày kế tiếp là thời gian Tường đi kiếm cơm nuôi gia đình.

Phạm Trọng Sách
4:30 chiều ngày 25 tháng 3 năm 2021